TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **82**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/9/2025
V/v tranh chấp: ***Xin ly hôn***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Nguyễn Minh Chơn**.

2/ Bà **Lê Thị Thắm**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Kim Anh**, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2025. Về tranh chấp "***Xin ly hôn***". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 346/2025/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2025. Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Kim N,** sinh ngày 26/02/1997.

CCCD số 092197010202 cấp ngày 22/11/2021. Số điện thoại: 0939529975.

Địa chỉ: số E, khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. (Nay là số E, khu vực P, phường H, thành phố Cần Thơ). Có đơn đề ngày 27/8/2025 xin xét xử vắng mặt (BL 34).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn G,** sinh ngày 01/9/1984.

CMND số 362199233 cấp ngày không rõ.

Địa chỉ: số E, khu V, phường T, quận C, thành phố Cần Thơ. (Nay là số E, khu vực P, phường H, thành phố Cần Thơ). Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 22/4/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Huỳnh Thị Kim N trình bày:

1/ Về hôn nhân: bà và ông Nguyễn Văn G tự nguyện kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận C, thành phố Cần Thơ vào ngày 19/3/2019. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng dần về sau thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân là bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cải vã không có tiếng nói chung. Bà đã cố hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ

nhưng mâu thuẫn ngày càng lớn, không hàn gắn được nên ly thân nhiều năm nay. Nhận thấy không còn tình cảm với ông G, không thể hàn gắn được nên bà N xin ly hôn để không còn ràng buộc với nhau.

2/ Về con chung: Bà khai vợ chồng không có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Tiến D (nam) sinh ngày 26/02/2019, bà N yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Huỳnh Tiến D và không yêu cầu ông G cấp dưỡng để nuôi con.

3/ Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết, bị đơn ông Nguyễn Văn G đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt không rõ lý do. Vì thế Tòa án không tiến hành hòa giải được. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nên vụ án được đưa ra xét xử công khai vắng mặt các bên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Bà Huỳnh Thị Kim N và ông Nguyễn Văn G xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo qui định của pháp luật. Nên được xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, thuộc phạm vi điều chỉnh của luật hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Nhận thấy cuộc sống chung của hai vợ chồng đã có thời gian hạnh phúc, đã có con chung với nhau. Lẽ ra cả hai phải càng hiểu và quan tâm đến nhau nhiều hơn. Nhưng ông G lại không quan tâm đến hôn nhân, không thiện chí hàn gắn khi có rạn nứt trong quan hệ vợ chồng. Thậm chí khi bà N có đơn xin ly hôn tại tòa án ông vẫn không quan tâm, không liên hệ với Tòa án để trình bày ý kiến của mình. Qua xác nhận của Công an phường T (nay là phường H) ngày 22/4/2025 (BL 10) thì ông G hiện vẫn đang sinh sống tại địa phương nhưng cố tình vắng mặt không liên hệ với Tòa án để giải quyết vụ kiện. Chứng tỏ ông không có thiện chí muốn duy trì cuộc hôn nhân này với bà N nữa.

[3] Mặc dù đã được động viên hàn gắn đoàn tụ nhưng bà N cho rằng giữa vợ chồng không hòa hợp về tính cách nên thường gây gỗ, ông G không quan tâm đến bà, làm cho bà tổn thương nhiều lần. Bản thân bà cũng không còn tình cảm gì với ông G, không còn tha thiết muốn duy trì cuộc hôn nhân này nữa. Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống chung thực tế của hai vợ chồng bà N và ông G đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân của hai người không đạt được. Và hôn nhân thì phải xuất phát từ sự tự nguyện của cả hai người. Nên việc bà Huỳnh Thị Kim N xin được ly hôn là hoàn toàn phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: nguyên đơn xác định vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Huỳnh Tiến D (nam) sinh ngày 26/02/2019 đang sống với bà. Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con. Xét cháu Nguyễn Huỳnh Tiến D, **chưa**

được 07 tuổi nên không ghi nhận ý kiến cháu được, hiện cũng đang sống với bà N. Mặc khác, trong thời gian vợ chồng ly thân cho đến hiện nay cháu đều do bà N nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Không có cơ sở chứng minh bà N không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt và phù hợp với tâm sinh lý của cháu bé, theo Điều 58 và 81 Luật hôn nhân và gia đình 2014, có căn cứ để chấp nhận nguyện vọng của bà Huỳnh Thị Kim N là giao con cho bà tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

Tuy nhiên ông Nguyễn Văn G vẫn được quyền tới lui thăm con theo qui định của pháp luật, không ai được ngăn cản.

[5] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: mặc dù đã được giải thích vấn đề cấp dưỡng là quyền lợi của con chung chứ không phải của người nuôi con nhưng bà N vẫn không yêu cầu. Xét đây là tự nguyện thỏa thuận của đương sự, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên chấp nhận. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung không được đặt ra giải quyết do đương sự không yêu cầu.

[6] Về tài sản và nợ chung: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn xác định không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh.

Vì các lẽ trên.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Căn cứ Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

- Căn cứ Điều 28, 35, 147, **228,** 235, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số qui định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

QUYẾT ĐỊNH

1/- Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

Cho bà **Huỳnh Thị Kim N** được ly hôn với ông **Nguyễn Văn G**.

2/- Về con chung: giao cháu **Nguyễn Huỳnh Tiến D** (nam) sinh ngày 26/02/2019 cho bà Huỳnh Thị Kim N tiếp tục nuôi dưỡng.

Không đặt vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung cho ông Nguyễn Văn G.

Dành quyền thăm nom con chung cho ông Nguyễn Văn G theo qui định của pháp luật.

3/- Về tài sản và nợ chung: không có và không yêu cầu nên không điều chỉnh. Nếu sau này phát sinh và các bên có yêu cầu thì sẽ được tách ra thành vụ kiện khác để giải quyết theo qui định của pháp luật.

4/- Về án phí: Bà Huỳnh Thị Kim N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000408 ngày 15/7/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà Huỳnh Thị Kim N đã nộp xong án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường nơi cư trú thì các đương sự được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận
- TAND TP Cần Thơ.
- VKSND KV 3- Cần Thơ.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA Thái Mỹ Nhung

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Thái Mỹ Nhung